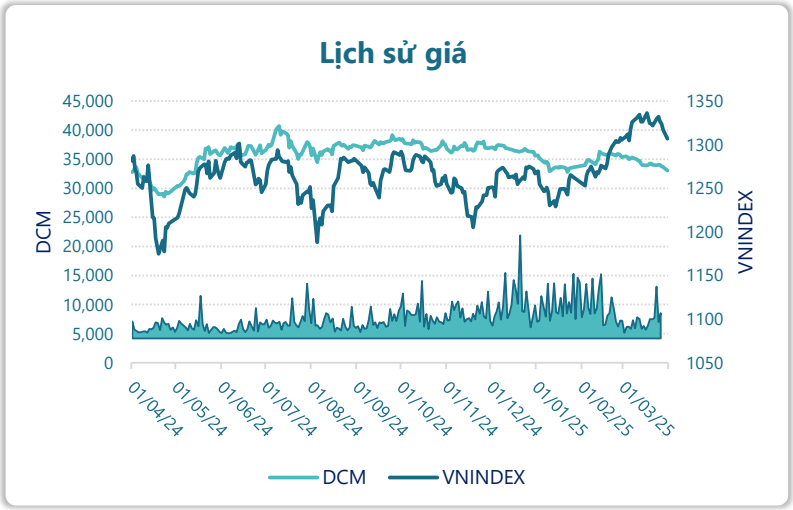
FireAnt

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (HSX: DCM)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**33,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,566
SL cổ phiếu LH	529,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,822,090
% sở hữu nước ngoài	5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,497
P/E	12.5
EPS	2,642

DT thuần

Q1/25

3,407

tỷ VNĐ

QoQ: ▼807| -19.2%

YoY: ▲ 663| 24.2%

LN sau thuế

Q1/25

412

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 126| 44.1%

YoY: ▲ 62.0| 17.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

11.6%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

2024

13,456

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 885| 7.0%

LN sau thuế

2024

1,428

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 318| 28.6%

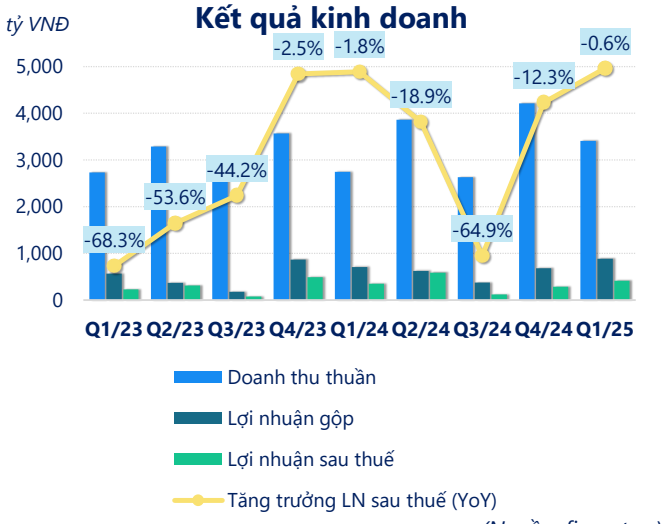
ROE

2024

14.1%

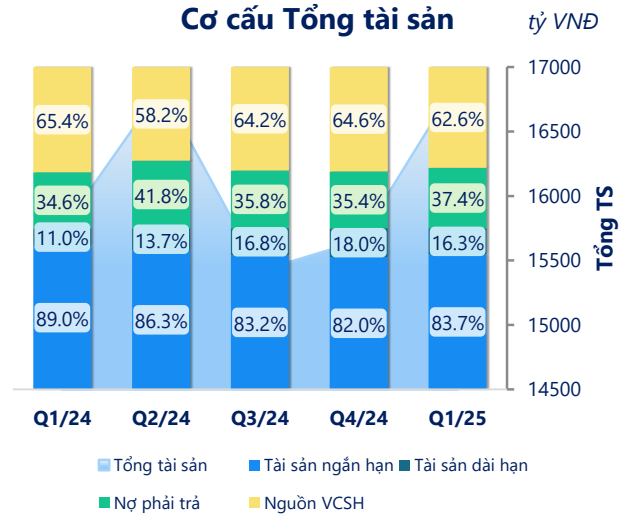
+/- YoY: ▲ 3.3%

Kết quả kinh doanh



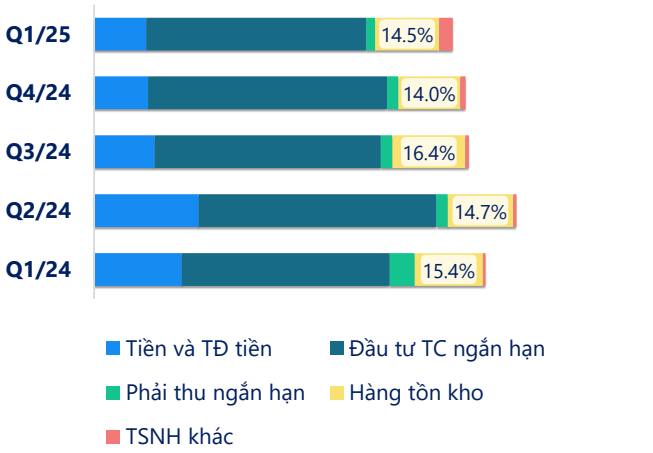
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



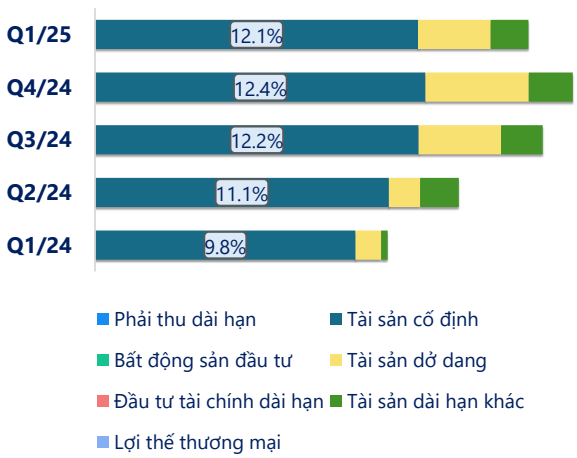
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



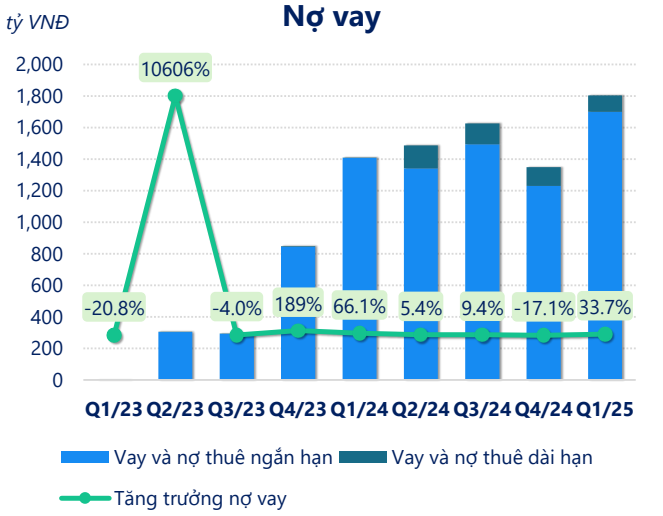
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



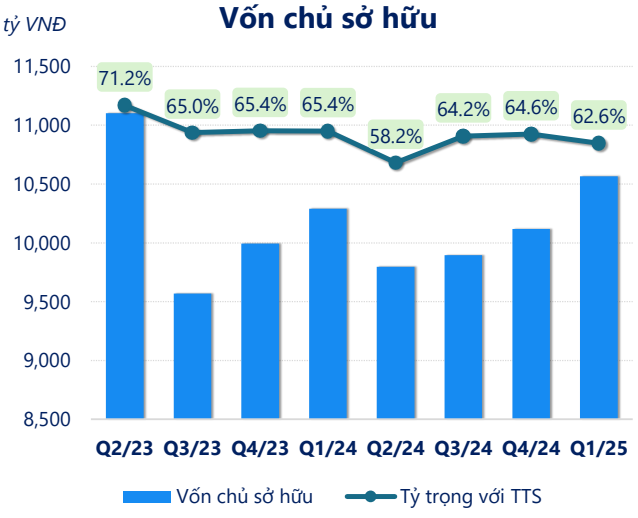
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



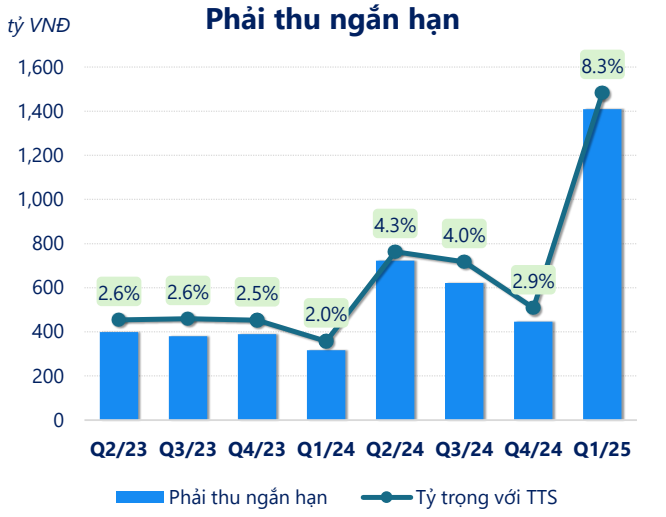
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



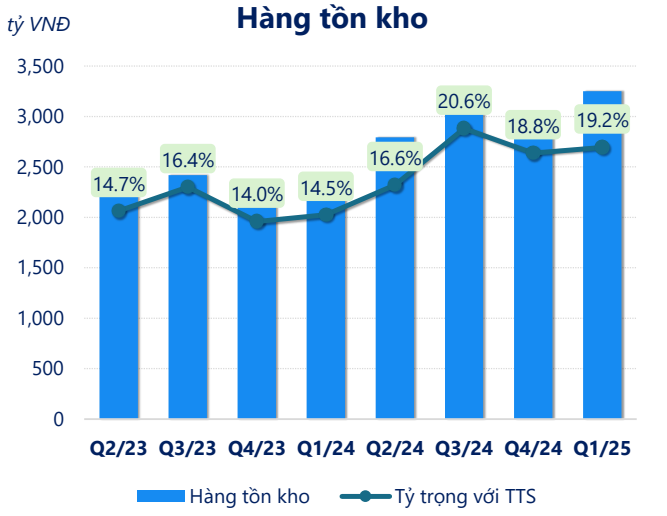
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



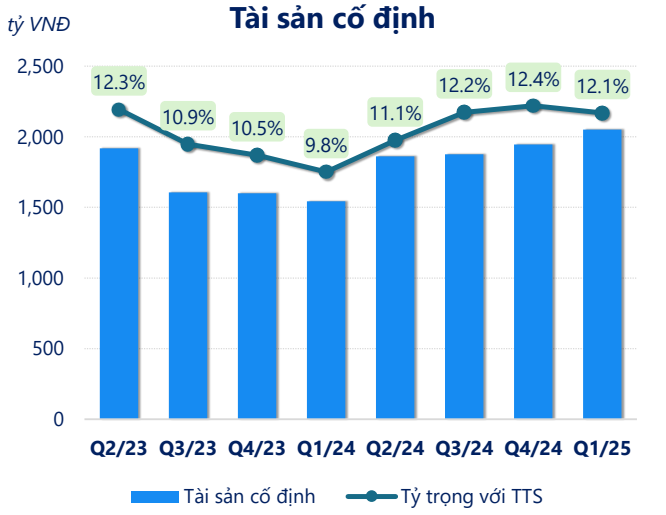
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



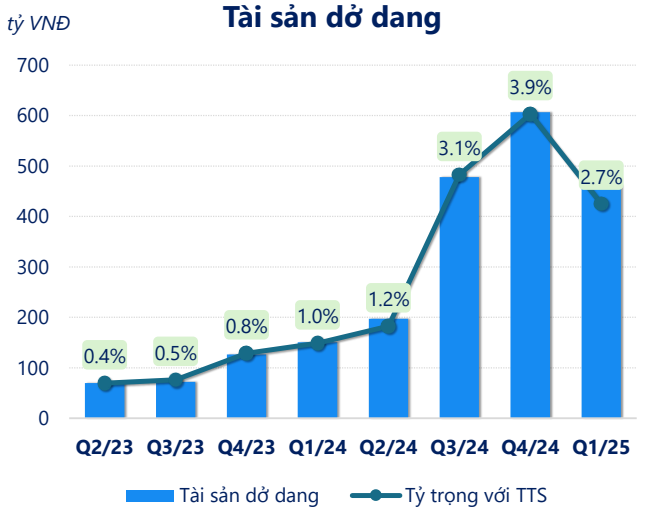
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



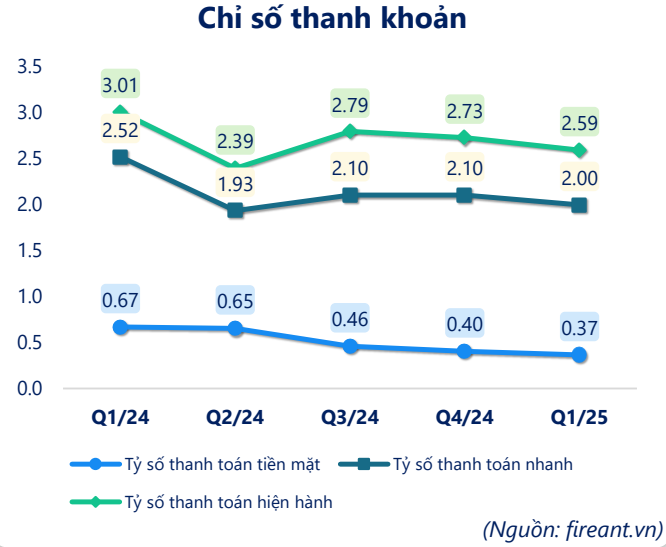
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



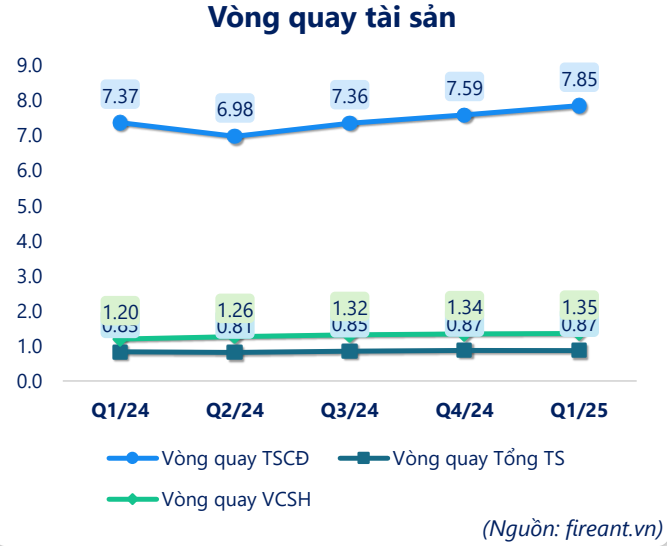
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**15,744**	**16,836**	**15,420**	**15,650**	**16,887**
Tài sản ngắn hạn	**14,010**	**14,531**	**12,823**	**12,837**	**14,135**
Tiền và tương đương tiền	3,117	3,975	2,112	1,903	1,991
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,812	6,652	6,504	7,039	7,009
Phải thu ngắn hạn	316	722	622	447	1,409
Hàng tồn kho	2,279	2,793	3,173	2,948	3,250
Tài sản ngắn hạn khác	486	389	412	500	476
Tài sản dài hạn	**1,733**	**2,305**	**2,597**	**2,813**	**2,752**
Phải thu dài hạn	0	0	0.31	0.51	0.51
Tài sản cố định	1,544	1,862	1,877	1,946	2,051
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	150	197	478	607	462
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	38.9	246	241	260	238
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,453**	**7,040**	**5,525**	**5,532**	**6,323**
Nợ ngắn hạn	**4,660**	**6,073**	**4,591**	**4,706**	**5,453**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,407	1,342	1,494	1,229	1,700
Phải trả người bán ngắn hạn	1,341	1,684	1,009	1,655	1,511
Nợ dài hạn	793	967	934	826	870
Vay và nợ thuê dài hạn	2.65	144	133	120	103
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,291**	**9,795**	**9,895**	**10,118**	**10,565**
Vốn chủ sở hữu	**10,291**	**9,795**	**9,895**	**10,118**	**10,565**
Vốn điều lệ	5,294	5,294	5,294	5,294	5,294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)